

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH A GIAG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày 14 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH A GIAG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý V Thành;

Bà Nguyễn Pha Thùy TrAg.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2018/TLST - HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Đình D, sinh năm 1976; tại Châu Đốc - A GiAg; Nơi cư trú: tổ 5, khóm Châu Thới 3, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg; nghề nghiệp: mua bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ah D, sinh năm 1954 và bà Trần Thị T, sinh năm 1954; có vợ là Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2017 (không đăng ký kết hôn);

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2017 cho đến nay có mặt.

2. Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1988; tại Châu Đốc - A GiAg; Nơi cư trú: tổ 7, khóm Mỹ Thành, phường V Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng Bích, sinh năm

1966 và bà Tô Thị P, sinh năm 1966; có vợ là Võ Thị Ngọc Quyên, sinh năm 1990; có 01 con sinh năm 2010;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2017 cho đến nay có mặt.

3. Châu Văn Đ, sinh năm 1990; nơi sinh tại Tân Châu - A GiAg; Nơi cư trú: tổ 6A, khóm Châu Long 1, phường V Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn Nghét, sinh năm 1960 (chết) và Nguyễn Thị Kim Phượng, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Thị Kim Đức, sinh năm 1990; có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2017 cho đến nay có mặt.

Bị hại: Ông Phạm Hồng Đình T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ 11, khóm 01, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Ah D, sinh năm 1956; nơi cư trú: tổ 9, khóm Châu Quới 2, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Ngọc Â, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ 06, khóm V Đông 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg.

- Ông Phạm Tiến V, sinh năm 1961; nơi cư trú: số 194, tổ 16, khóm Mỹ Thành, phường V Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg.

- Ông Ngô Văn C, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ 13, khóm Châu Long 8, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg.

- Ah Nguyễn ThAh D1, sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ 01, khóm Châu Long 2, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg.

- Bà Tô Thị P, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ 07, khóm Mỹ Thành, phường V Mỹ, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg.

- Bà Quách Thị Tuyết Ah, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ 16, khóm 02, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg.

Các bị cáo, người bị hại có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan A Trần A H D vắng mặt có đơn yêu cầu vắng mặt; người làm chứng bà Tô Thị P, A Huỳnh Ngọc A, A Nguyễn Th A H D1 và Quách Thị Tuyết A H có mặt tại phiên tòa; những người làm chứng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các T liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tr A H luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt:

Các bị cáo Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D, Châu Văn Đ bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố về hành vi như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 27/02/2017, Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D, Châu Văn Đ tổ chức uống rượu tại nhà của D tại khu vực khóm Mỹ Thành, phường V Mỹ. Trong lúc uống rượu, D nhận được điện thoại của M A (vợ của D) cho biết A Đg cấp cứu tại Bệnh Viện Đ khoa Nhật Tân (gọi tắt là Bệnh viện), D điều khiển xe mô tô đến Bệnh viện Đ khoa Nhật Tân để tìm vợ. Khi đến cổng bệnh viện, D xin vào Bệnh viện thì các A H Phạm Hồng Đình T1, Nguyễn Ngọc A và Phạm Tiến V (bảo vệ Bệnh viện) không cho D vào đã hết giờ thăm bệnh và D có rượu.

Khi này, có xe cấp cứu đến bảo vệ mở cửa cổng ngoài, D điều khiển xe mô tô vào bên trong Bệnh viện tìm vợ D đi từ khoa sản s A g khoa cấp cứu và các khoa khác thì cùng lúc đó A H T1 chạy theo ngăn cản và xô đẩy D ra khỏi Bệnh viện, D vùng vẫy thì cùng lúc đó D, Đ điều khiển xe mô tô đến, D chỉ vào hướng A H T1 và nói “nó đánh A H” nên D, Đ nhìn thấy D xô đẩy D nên xông vào cùng với D dùng tay, chân đánh A H T1. D dùng tay đánh trúng vào người A H T1 03 – 04 cái; Đ dùng tay đánh trúng vào vai của A H T1 02 cái; D dùng chân đá trúng vào người của T1 02 cái, làm A H T1 té ngã trúng vào vách tường đường ra vào của Bệnh viện. Sau đó, A H T1 bỏ chạy vào nhà giữ xe của Bệnh viện. D, D, Đ nghe có Công A đến nên bỏ về. Riêng A H T1 được đưa vào Bệnh viện Đ khoa Nhật Tân cấp cứu, điều trị đến ngày 29/3/2017 xuất viện. Ngày 25/3/2017, A H T1 có đơn xử lý hình sự đối với D, D và Đ.

Vật chứng thu giữ: 01 USB lưu trữ hình ảnh của Camera số CH13 tại Bệnh viện Đ khoa Nhật Tân ghi lại diễn biến sự việc xảy ra ngày 27/02/2017.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 134/17/TgT ngày 25/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh A Gi A g kết luận:

A H Phạm Hồng Đình T1, sinh năm 1977, kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sây sát + sưng Đu vùng ngực phải, sưng nề vùng bụng phải – không tồn tại;

- Chân thương gối phải, đứt bán phần dây chằng chéo trước, tổn thương độ II dây chằng bên trong, phù tủy xương đầu trên xương chày, dịch khớp gối,

viêm hoạt mạc khớp gối : Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 34% (ba mươi bốn phần trăm).

Ngày 12/10/2017, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D và Châu Văn Đ.

Ngày 13/10/2017 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố số 98, 99, 100/QĐ-VKS – HS và Quyết định phê chuẩn Lệnh bắt bị can để tạm giam số 35, số 36 và số 37/ QĐ-VKS – HS đối với Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D và Châu Văn Đ.

Tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa:

Bị cáo D khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/02/2017, bị cáo cùng Đ và D Đg nhập tại nhà D thì nhận được điện thoại từ vợ bị cáo cho biết Đg cấp cứu tại Bệnh viện Đ khoa Nhật Tân (viết tắt Bệnh viện) thời điểm này vợ bị cáo Đg mang thai sắp đến ngày sinh do đó bị cáo rất lo cho vợ nên lấy xe chạy đến Bệnh viện. Trước khi đi bị cáo có nhờ D chở mẹ D cùng vợ D đến giúp đỡ vợ bị cáo. Khi đến Bệnh viện thì cổng Bệnh viện đã đóng. Bị cáo xin những người bảo vệ tại đây được vào trong thì có 01 bảo vệ (sau này mới biết là Phạm Hồng Đình T1) yêu cầu bị cáo đọc tên vợ để điện vào bên trong xác nhận có vợ bị cáo hay không và sau đó T1 cho biết bên trong không có ai. Tiếp sau đó có 01 xe cấp cứu loại xe 16 chỗ được mở cổng chạy vào và bị cáo chạy xe lao vào theo đi tìm vợ từ khoa sản đến khoa cấp cứu nhưng không gặp. Đồng thời, bị cáo có điện thoại lớn tiếng hỏi gia đình thì lúc này T1 nắm cổ áo bị cáo kéo đi bị cáo gạt ra, bị cáo tìm kiếm không gặp vợ bị cáo lại bị T1 xô đẩy ra ngoài. Tại khoa cấp cứu ngoại thấy D và Đ đến bị cáo la lên “Nó muốn đánh Ah nè” thì D và Đ lao vào cùng bị cáo dùng tay, chân đánh vào người T1, T1 bỏ chạy bị cáo có dùng chân đạp theo 02 cái trúng vào người T1 (không xác định vị trí) làm T1 ngã vào vách tường đối diện. T1 đứng dậy chạy vào nhà xe và cầm dao cố thủ sau đó nghe có Công an đến cả 03 lấy xe ra về. Khi về đến nhà vợ bị cáo cho biết có vào Bệnh viện truyền nước biển nhưng đã tự ý ra về.

Bị cáo Nguyễn Hoàng D khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/02/2017, bị cáo cùng Đ và D Đg nhập tại nhà của bị cáo thì D nhận được điện thoại từ vợ D cho biết Đg nằm trong Bệnh viện nên D lấy xe chạy vào Bệnh Viện, thấy vậy bị cáo nói với mẹ và vợ đi theo vào đó có gì giúp đỡ và Đ cũng đi theo. Khi đến gần khoa cấp cứu ngoại Bệnh viện thấy D Đg bị những người bảo vệ dùng tay xô đẩy từ phía sau, D la lên “Nó đánh Ah D ơi” và D dùng tay đánh vào mặt người bảo vệ Đg đứng cạnh (sau mới biết là Ah T1) cùng lúc thấy 02 người bảo vệ cùng nhóm Ah T1 bỏ chạy bị cáo cùng Đ lao tới dùng tay và chân đánh vào người Ah T1, T1 bỏ chạy D dùng chân đạp vào

người T1 làm T1 té ngã vào vách tường đối diện, T1 đứng dậy bỏ chạy tiếp nhóm của bị cáo đuổi theo đến nhà xe Bệnh viện T1 vào bên trong cầm dao bị cáo đứng bên ngoài chụp lấy cây quay mái hiên có người đàn ông đứng sau lưng dùng hai tay khống chế bị cáo và sau đó ông ta bỏ tay ra nghe có Công A đến cả 03 lấy xe ra về.

Bị cáo Châu Văn Đ khai nhận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/02/2017, bị cáo cùng D và D Đg nhậu tại nhà của D thì D nhận được điện thoại từ vợ cho biết Đg nằm cấp cứu trong Bệnh viện nên bị cáo cùng D, mẹ, vợ con D đến Bệnh viện. Khi đến gần khoa cấp cứu Bệnh viện thấy D bị các Ah bảo vệ xô đẩy ngay lối ra vào khoa cấp cứu, thấy D và bị cáo D la lên “Tụi nó không cho Ah vào, chửi Ah, đánh Ah” nghe vậy D xông đến cùng D đánh người bảo vệ (sau mới biết là Ah T1) bị cáo xông đến bị T1 đánh trúng ngực và bụng nên tức giận cùng D và D xông đến đánh vào người Ah T1, làm T1 té ngã vào vách tường đối diện, T1 đứng dậy bỏ chạy tiếp nhóm của bị cáo đuổi theo đến nhà xe Bệnh viện T1 vào bên trong cầm dao cố thủ sau đó nghe có Công A đến cả 03 lấy xe ra bỏ chạy ra về.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKS - CĐ ngày 09/02/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân Châu Đốc truy tố các bị cáo: Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D và Châu Văn Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo D khai nhận vào Bệnh Viện để tìm vợ Đg cấp cứu nhưng bị ngăn cản, trong lúc tìm thì bị Ah T1 nắm cổ áo và đẩy bị cáo vào sát tường, nên trong lúc có rượu không kiềm chế nên bị cáo và D, Đ có đánh Ah T1; Nguyễn Hoàng D và Châu Văn Đ giữ nguyên ý kiến như đã khai trong giai đoạn điều tra là nhìn thấy cách hành xử của nhóm Bảo vệ xô đẩy D trong lúc D tìm vợ và nghe D nói nó chửi và đánh Ah nên thừa nhận có dùng tay, chân đánh Ah T1 thương tích theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 134/17/TgT ngày 25/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh A GiAg kết luận.

Bị hại Ah Phạm Hồng Đình T1 cho biết, lời khai bA đầu của bị cáo D là đúng, khi bị cáo D vào bên trong Bệnh viện, Ah có yêu cầu bị cáo ra ngoài tránh ảnh hưởng những bệnh nhân khác, nhưng bị cáo không đồng ý, nói điện thoại lớn tiếng nên Ah có dùng tay đẩy lưng của bị cáo đi ra ngoài, việc làm trên gây bức xúc và dẫn đến việc các bị cáo đánh và gây thương tích cho Ah. Nay Ah vẫn giữ nguyên yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả số tiền 59.000.000 (năm mươi chín triệu) đồng, không yêu cầu bồi thường thêm khoản thiệt hại nào khác và nay thấy hoàn cảnh của các bị cáo trình bày khó khăn và tại phiên tòa xin lỗi thấy hối hận, nên Ah xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo sớm đoàn tụ gia đình.

Những người làm chứng Ah A, Ah D1, chị Ah và bà P có mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại giai đoạn điều tra không có ý kiến khác.

Trong phần trAh luận, các bị cáo D, D và Đ không có ý kiến trAh luận. Bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và các bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho Ah T1 số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nói lời xin lỗi đến bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt sớm đoàn tụ gia đình, vì các bị cáo lao động chính trong gia đình.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của của ông Trần Ah D, các người làm chứng vắng mặt và Công bố Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 134/17/TgT ngày 25/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh A GiAg.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định các bị cáo đã có hành vi dùng tay, chân đánh gây thương tích cho ông T1 với tỷ lệ thương tật 34%. Quá trình trAh tụng tại phiên tòa, ông T1 thừa nhận dùng tay xô đẩy làm cho bị cáo D bức xúc, dẫn đến nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là có phần lỗi của người bị hại đã thiếu kiềm chế, lớn tiếng, xô đẩy bị cáo D, khi bị cáo D vi phạm quy định của Bệnh viện, nên tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố về tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ” truy tố các bị cáo theo khoản 2, Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Châu Văn Đ, các bị cáo không có mâu thuẫn gì với người bị hại, khi các bị cáo đến Bệnh viện và khi nghe T1 nói “nó đánh Ah” các bị cáo xông vào và đánh Ah T1 gây thương tích 34%. Như vậy hành vi của hai bị cáo là đồng phạm với bị cáo D. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với các bị cáo và việc rút một phần Cáo trạng truy tố các bị cA: D, D và Đ là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Các bị cáo D, D và Đ đều có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi chung là Bộ luật Hình sự 2015) hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại

khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 để xử lý đối với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn Đình D từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù;

- Bị cáo Nguyễn Hoàng D từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

- Bị cáo Châu Văn Đ từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Về xử lý vật chứng:

Tiếp tục tạm giữ 01 USB lưu trữ hình ảnh của Camera số CH13 tại Bệnh viện Đ khoa Nhật Tân ghi lại diễn biến sự việc xảy ra ngày 27/02/2017 lưu vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã nộp số tiền 59.000.000 (năm mươi chín triệu) đồng tại Tòa án và hôm nay tự nguyện bồi thường thêm 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho người bị hại và người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của các bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và T liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *[Về tố tụng]:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quA Cảnh sát điều tra - Công A Châu Đốc, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu xử vắng mặt; các người làm chứng vắng mặt, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố về tình tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ” và truy tố các bị cáo theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là phù hợp với Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa cũng như lời khai của người bị hại và những người làm chứng cùng các T liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ xác định:

Khoảng 21 giờ ngày 27/02/2017, D, D, Đ Đg uống rượu tại nhà của D tại khu vực khóm Mỹ Thành. Trong lúc uống rượu, D nhận được điện thoại của Nguyễn Thị Mỹ A là vợ D Đg cấp cứu tại Bệnh viện Đ khoa Nhật Tân thuộc khóm Châu Long 7, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, nên D điều khiển xe mô tô đến Bệnh viện Đ khoa Nhật Tân để tìm vợ. Khi đến bệnh viện, do nóng ruột không tìm được vợ bên cạnh đó do cách xử sự của bảo vệ bệnh viện xô đẩy bị cáo nên D ức chế và có lời lẽ lớn tiếng dẫn đến mâu thuẫn với những người bảo vệ của Bệnh viện gồm các Ah T1, A và V. Sau đó, khi thấy D, Đ điều khiển xe mô tô đến, D chỉ vào hướng Ah T1 và nói “nó đánh Ah” nên D, Đ xông vào cùng với D dùng tay, chân đánh Ah T1. D dùng tay đánh trúng vào người Ah T1 03 – 04 cái; Đ dùng tay đánh trúng vào vai của Ah T1 02 cái; D dùng chân đá trúng vào người của T1 02 cái, làm Ah T1 té ngã trúng vào vách tường đường ra vào của Bệnh viện, kết quả dẫn đến thương tích cho T1 là 34%. Tại phiên tòa, Ah T1 thừa nhận trong lúc bị cáo D chạy vào Bệnh viện vừa đi tìm vợ vừa có nói chuyện lớn tiếng làm ảnh hưởng đến thời giờ nghỉ ngơi của bệnh nhân, nên Ah có mời bị cáo ra ngoài nhưng bị cáo không nghe, Ah có dùng tay xô đẩy vào lưng của bị cáo, mục đích để bị cáo đi ra khỏi Bệnh viện. Vì vậy, xuất phát từ thái độ không thân thiện của Ah T1, nên bị cáo D không kiềm chế, mất kiểm soát thời điểm trên bị cáo có uống rượu, nên bị cáo D cùng bị cáo Đ và bị cáo Đ đánh người bị hại với tỷ lệ tổn thương 34%. Từ đó cho thấy, sự việc xảy ra có phần lỗi của người bị hại và tại phiên tòa bị hại thừa nhận dùng tay xô đẩy D khi Đ và D đến thấy sự việc trên nên đại diện Viện Kiểm sát đã rút một phần quyết định truy tố về tình tiết định khung tăng nặng “Có tính chất côn đồ” và truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2. Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, gây thương tích cho Ah Phạm Hồng Đình T1 với tỷ lệ tổn

thương 34% nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra cho người bị hại.

[2] Đồng phạm:

Đây là vụ án có đồng phạm, thuộc đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết, phân công mà cùng thống nhất ý chí trong thực hiện tội phạm, các bị cáo đều là người thực hành. Xem xét hành vi của từng bị cáo trong đồng phạm, bị cáo D là người có vai trò tích cực trong vụ án. Bị cáo D trực tiếp và cho các bị cáo D và Đ biết là Ah T1 đánh bị cáo và cùng nhau đánh gây thương tích cho Ah T1. D và Đ khi đến hiện trường xảy ra sự việc nghe bị cáo D cho biết là bị Ah T1 đánh các bị cáo bệnh vực D và cùng nhau đánh Ah T1 gây thương tích cho T1. Các bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Lẽ ra, khi xảy ra mâu thuẫn thấy D bức tức muốn đánh nhau với Ah T1 thì D và Đ phải can ngăn thì không xảy ra hành vi phạm tội.

Con người là vốn quý của xã hội, tính mạng, sức khỏe của con người được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận và được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác mà còn gây hoAg mAg, tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự và A toàn xã hội tại địa P. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[Các tình tiết giảm nhẹ]:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, hối lỗi, xin lỗi bị hại và được bị hại chấp nhận.

Tích cực tác động gia đình bồi thường chi phí điều trị khắc phục hậu quả cho người bị hại, bồi thường theo yêu cầu của bị hại là 59.000.000 đồng (đã giao nộp) và tại phiên tòa bồi thường thêm cho bị hại 10.000.000 đồng mà thiệt hại thực tế chưa đến mức trên.

Người bị hại có phần lỗi dẫn đến sự việc xảy ra.

Các bị cáo là người lao động chính trong gia đình.

Người bị hại có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và tại phiên tòa vẫn tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo D thì khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo D chưa có sự tiền án tiền sự. Bản thân bị cáo Đg nuôi cha mẹ già (cha có tham gia quốc

phòng và cơ quan Nhà nước, con bị cáo mới hơn 08 tháng tuổi đang ở với ông bà nội, do D đang tạm giam, vợ bị cáo bỏ đi).

Đối với bị cáo D vào ngày 20/5/2014, bị Tòa án huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xử phạt 04 tháng tù về tội “Vận chuyển hàng cấm” (khấu trừ 28 ngày thời gian tạm giam). Ngày 01/11/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Đến ngày 01/11/2016 bị cáo không phạm tội mới xem như bị cáo đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Châu Văn Đ vào ngày 17/7/2014, bị Tòa án Châu Đốc, tỉnh An Giang xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”. Ngày 02/01/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Đến ngày 02/01/2017 bị cáo không phạm tội mới xem như bị cáo đương nhiên xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự.

Xét, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 nên có xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo như qua điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với bị cáo D có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như nhận định trên và bị cáo bị tạm giam hơn 06 tháng cũng đủ răn đe, xét khoA hồng cho bị cáo được hưởng án treo và tuyên bố trả tự do cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc theo dõi giáo dục cũng đủ tác dụng.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng D và Châu Văn Đ có vai trò thấp hơn nên cũng có thể cho hưởng án treo như bị cáo D và không cần cách ly các bị cáo, tuy nhiên căn cứ điểm b1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ – HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo: “ Người bị kết án đến 03 năm tù về tội do cố ý mà thời gian được xóa án tích tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 01 năm. Đối chiếu trường hợp của bị cáo D và bị cáo Đ chưa đáp ứng theo yêu cầu của điểm b1 Điều 2 của Nghị quyết.

Hai bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cũng cần xem xét cho các bị cáo khi lượng hình.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 USB lưu trữ hình ảnh của Camera số CH13 tại Bệnh viện Đ khoa Nhật Tân ghi lại diễn biến sự việc xảy ra ngày 27/02/2017, xét tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại yêu cầu ba bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe với số tiền 59.000.000 đồng, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm các khoản thiệt hại nào khác; ông Trần Ah D là cha của bị cáo D tự nguyện bồi thường số tiền trên cho người bị hại. Xét khoản chi phí tiền thuốc mà Ah T1 đưa ra là chưa phù hợp, do khoản chi thực tế của Ah sau khi khấu trừ bảo hiểm y tế (chi trả tại Bệnh viện là 18.281.710 và tiền mất thu nhập: 18.000.000 đồng = 36.281.710 đồng) không đến khoản tiền trên, tuy nhiên do các bị cáo đã tác động gia đình và cả ba gia đình cùng hùn tiền (Ah Trần Ah D đại diện nộp) bồi thường chi phí cho Ah T1, nên Hội đồng xét xử chấp nhận (Theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015).

Trước khi phiên tòa diễn ra, ngày 09/4/2018 ông Trần Ah D (cha ruột của bị cáo D) đã giao nộp số tiền 59.000.000 (*năm mươi chín triệu*) đồng để khắc phục hậu quả, đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại (Ah T1) 10.000.000 (mười triệu) đồng, nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận trên.

[6] Về án phí:

Buộc các bị cáo Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D, Châu Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và D, D và Đ phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 17, Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D, Châu Văn Đ phạm tội: “Cố ý gây thương tích”;

Căn cứ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 17, Điều 58; Điều 65, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Văn Đình D: 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời giA thử thách là 04 (bốn) năm, được tính kể từ ngày tuyên án 14/5/2018.

Giao bị cáo cho Ủy bA nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh A GiAg giám sát giáo dục trong thời giA thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 17, Điều 58; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng D: 09 (chín) tháng tù.
- Bị cáo Châu Văn Đ: 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Châu Văn Đ được tính kể từ ngày 24/10/2017 (hai mươi bốn, tháng mười, năm hai nghìn không trăm mười bảy).

Căn cứ Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo Trần Văn Đình D nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 01 USB lưu trữ hình ảnh của Camera số CH13 tại Bệnh viện Đ khoa Nhật Tân ghi lại diễn biến sự việc xảy ra ngày 27/02/2017.

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D và Châu Văn Đ bồi thường cho ông Phạm Hồng Đình T1 số tiền 59.000.000 (năm mươi chín triệu) đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 59.000.000 (năm mươi chín triệu) đồng do ông Trần Ah D (cha ruột của bị cáo D) đã giao nộp để đảm bảo thi hành án đối với phần bồi thường cho ông Phạm Hồng Đình T1 (theo lệnh kê biên, tạm giữ T sản số 04/QĐ - KBTS ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc và biên lai thu tiền số BT/2015/0010465 ngày 09 tháng 04 năm 2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Công nhận sự tự nguyện của Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D và Châu Văn Đ tự nguyện bồi thường thêm cho ông Phạm Hồng Đình T1 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Trần Văn Đình D, Nguyễn Hoàng D và Châu Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; Buộc các bị cáo phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A GiAg xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích **chế định** án treo cho bị cáo D.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga

